

Bản án số: **07/2021/HNGĐ - ST**

Ngày 05 - 3 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Chang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Kim Oanh;

Ông Phạm Văn Cảnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2002; Có mặt

Địa chỉ: 5xx7/1x, tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; Có mặt

Địa chỉ: 4xx/1x, ấp Y, xã K, huyện D, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: bà T và ông H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2020 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông bà chung sống với nhau và kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian sống chung thì vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được, hiện nay không sống chung với nhau nữa nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: bà T và ông H có 01 con chung là Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 14/8/2020. Hiện con đang ở cùng với ông H vì thời gian bà T mới sinh con, bà chưa có việc làm, chưa đủ điều kiện nuôi con nên bà để con cho ông H nuôi. Nay bà T đã xin được việc làm, có thu nhập ổn định là 6.000.000đ/tháng, đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên bà T yêu cầu được nuôi con chung. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ nhưng ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: ông H và bà T chung sống với nhau từ năm 2019 và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2020 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống với nhau và đăng ký kết hôn là do ông bà hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ông hạnh phúc. Sau một thời gian vợ chồng ông xảy ra xích mích, hay cự cãi với nhau. bà T tự chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống từ cuối tháng 10/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không thể hàn gắn được nên ông H đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: ông H và bà T có 01 con chung là Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 14/8/2020. Hiện con đang ở cùng với ông từ khi bà T bỏ về nhà ở cho đến nay, bà T không thăm hỏi gì đến con. bà T không đủ điều kiện để nuôi con nên bà mới để con lại cho ông nuôi từ cuối tháng 10/2020 cho đến nay. Nếu ông được nuôi con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay ông có công việc là cạo mủ cao su ở nhà, thu nhập ổn định. Nếu Tòa án giải quyết cho bà T nuôi con thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà T và ông H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H. Nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 14/8/2020 còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, phù hợp với quy định pháp luật, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét. Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H, yêu cầu được nuôi con chung. Bị đơn ông H hiện cư trú tại ấp Y, xã K, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T và bị đơn ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 17/7/2020, tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. bà T và ông H đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình được và hiện nay không còn sống chung với nhau. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự đồng ý ly hôn nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T và bị đơn ông Nguyễn Văn H có 01 con chung là Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 14/8/2020. Hiện nay cháu Thiên đang sống cùng ông H vì từ tháng 10/2020, bà T đã về nhà cha mẹ ruột bà sinh sống và để cháu Thiên cho ông H nuôi. Nay bà T đã có việc làm ổn định, bà T yêu cầu được nuôi con chung và bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. ông H cho rằng bà T không đủ điều kiện, khả năng nuôi con, hơn nữa ông đã chăm sóc con từ khi bà T bỏ về nhà cha mẹ bà T ở cho đến nay. Nên ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập của ông khoảng 10.000.000đ/tháng, đủ điều kiện nuôi con. Nếu bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung của bà T và ông H còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nay bà T đã có việc làm, thu nhập 6.000.000đ/tháng, đảm bảo được điều kiện nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung dưới 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao con chung Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 14/8/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng theo quy định của pháp luật thì cha mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên khi ly hôn. Tuy nhiên, bà T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 246, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Văn H.

3. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 14/8/2020 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0043732 ngày 21/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương (Số 48/2020);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Chang**